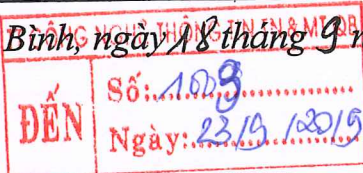


SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
- HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 110 /BC-HĐXTVC Quảng Bình, ngày 18 tháng 9 năm 2019



BÁO CÁO

Kết quả xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2019

Ngày 14/9/2019, Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2019 và hoàn thành xong các thủ tục, gồm:

1. Biên bản kiểm tra phiếu thí sinh dự tuyển viên chức, gồm: 82 phiếu đăng ký dự tuyển của thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển vòng 2;
2. Biên bản tổng hợp điểm kiểm tra sát hạch, gồm: 82 thí sinh tham gia sát hạch, có 81 thí sinh có số điểm đạt từ 50 điểm trở lên, 01 thí sinh có số điểm dưới 50 điểm;
3. Biên bản họp Hội đồng xét tuyển viên chức 2019; căn cứ kết quả điểm kiểm tra sát hạch có 81 thí sinh đủ điều kiện đề nghị Giám đốc Sở công nhận trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức năm 2019, có 01 trường hợp không trúng tuyển;

Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xét tuyển và đề nghị cho niêm yết kết quả xét tuyển tại trụ sở cơ quan, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở về kết quả kiểm tra sát hạch viên chức năm 2019; danh sách dự kiến trúng tuyển viên chức sự nghiệp năm 2019 và gửi thông báo kết quả xét tuyển đến thí sinh theo địa chỉ đăng ký; sau khi hoàn thiện thủ tục đề nghị Giám đốc Sở Quyết định công nhận kết quả xét tuyển viên chức năm 2019 và gửi thông báo đến thí sinh trúng tuyển./.

GIÁM ĐỐC SỞ
PHÊ DUYỆT



Trần Phong

TM. HỘI ĐỒNG XTVC
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Lương

Nơi nhận:

- Lưu HSXT;
- VT, VP

→ chốt ngày
Sở Tài nguyên và Môi trường
Danh sách (02 quy
23-25/9)

DANH SÁCH
DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP NĂM 2019

T T	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	MS dự tuyển	Trình độ	Vị trí việc làm
1	Nguyễn Hà Giang	Nữ	28.01.1996	TDP15, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	QTr5	Ks Thủy văn học	Tư vấn dịch vụ lập hồ sơ môi trường, TT Quan trắc TN&MT
2	Nguyễn Trần Thảo Hiền	Nữ	08.7.1994	TDP5, Hải Thành, Đồng Hới, QB	QTr2	CN Hoá học	Phân tích và xử lý số liệu các chỉ tiêu về môi trường, TT Quan trắc TN&MT
3	Nguyễn Hữu Hoàng	Nam	04.11.1994	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	PTQĐ1	Ks KTTN nước	Quản lý dự án, kiểm tra, giám sát các công trình, dự án tạo quỹ đất
4	Lưu Thị Hồng Loan	Nữ	08.12.1994	TDP4, Hải Thành, Đồng Hới, Q. Bình	QTr1	CN KHMT	Phân tích và xử lý số liệu các chỉ tiêu về môi trường, TT Quan trắc TN&MT
5	Phan Nhật Minh	Nữ	28.02.1996	Đ. Trương Định, Phú Hải, Đồng Hới, QB	QTr7	CN sinh học	Lấy mẫu quan trắc hiện trường, TT Quan trắc TN&MT
6	Hồ Thị Hồng Ngọc	Nữ	14.05.1992	TDP8, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	QTr3	Ks Hải duyệt, KT&TV	Lập quy hoạch bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, BDKH, KH ứng phó sự cố tràn dầu, TT Quan trắc TN&MT
7	Trần Ngọc Như Phương	Nữ	31.7.1996	Đ. Mẹ suốt, Hải Đình, Đồng Hới, Quảng Bình	QTr1	CN QLTN MT	Phân tích và xử lý số liệu các chỉ tiêu về MT, TT Quan trắc TN&MT
8	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Nữ	26.01.1994	Đồng Đình, Hải Đình, Đồng Hới, Q. Bình	QTr2	Ks CN KT hoá học	Phân tích và xử lý số liệu các chỉ tiêu về môi trường, TT Quan trắc TN&MT
9	Võ Thị Hoài Thương	Nữ	20.07.1993	TDP10, Bắc Lý, Đồng Hới, Q. Bình	QTr5	KsQLM T	Tư vấn dịch vụ lập hồ sơ môi trường, TT Quan trắc TN&MT
10	Trần Thị Vinh	Nữ	06.4.1981	F325, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	QTr6	CN sinh học	Tư vấn dịch vụ lập hồ sơ môi trường, TT Quan trắc TN&MT
11	Đặng Thủy Vũ	Nam	26.05.1989	TDP13, Bắc Lý, Đồng Hới, Q. Bình	QTr4	Ks QLMT	Lập dự án đầu tư, tư vấn thiết kế CN&TC lắp đặt CT xử lý ONMT, TT Quan trắc TN&MT
12	Trần Thị Thanh Huyền	Nữ	02.10.1985	Nam Lý, Đồng Hới, QB	VPĐK 15	Sư phạm địa lý	Hành chính TH, báo cáo, CN VPĐK Bó Trạch
13	Nguyễn Hoàng Lan	Nữ	10.9.1990	Xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Q. Bình	VPĐK 14	CN Kế toán	Hành chính tổng hợp, thu phí, lệ phí, CNVPĐK Ba Đồn

14	Dương Thị Mai Ly	Nữ	02.02.1990	Phường Hải Đình, Đồng Hới, QB	VPĐK 14	CN Tài chính, NH	Hành chính, tổng hợp, thu phí, lệ phí, Chi nhánh VPĐK Đồng Hới
15	Lê Hoàng Nguyên	Nữ	06.04.1991	Phường Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 14	CN Kế toán	Hành chính, tổng hợp, thu phí, lệ phí, CN VPĐK Bố Trạch
16	Nguyễn Chí Thành	Nam	14.5.1993	Phường Ba Đồn, TX Ba Đồn, Quảng Bình	VPĐK 14	CN Kế toán	Hành chính tổng hợp, thu phí, lệ phí, Chi nhánh VPĐK Quảng Trạch
17	Hoàng Thị Hoài Thu	Nữ	08.5.1991	TDP3, Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KTTN6	CN kế toán	Hành chính tổng hợp, nhân sự, TT Kỹ thuật TN&MT
18	Đình Hữu An	Nam	05.11.1991	Đường Tôn Thất Thuyết, Đồng Phú, ĐH, QB	CNTT4	CN tin học	Biên tập, cập nhật thông tin các loại bản đồ lĩnh vực tài nguyên và môi trường, TT CNTT TN&MT
19	Bùi Thị Thảo Chi	Nữ	24.11.1992	07, Phạm Hồng Thái, Đồng Phú, tỉnh QB	CNTT3	Ks mạng máy tính	Ứng dụng và chuyển giao công nghệ thông tin, TT CNTT TNMT
20	Mai Bá Cường	Nam	17.6.1996	Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	KTTN1	Ks quản lý đất đai	Đo đạc lập bản đồ địa chính; lập bản đồ chuyên ngành, TT Kỹ thuật TN&MT
21	Nguyễn Văn Hải	Nam	26.03.1994	P.Quảng Phúc, TX Ba Đồn, Quảng Bình	VPĐK 4	Ks quản lý đất đai	Đo đạc địa chính và các dịch vụ khác, CnVPĐK Quảng Trạch
22	Lê Xuân Hoan	Nam	28.10.1990	Châu Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	VPĐK 9	Tr. cấp QLĐĐ	Đo đạc địa chính và các dịch vụ khác, CN VPĐK Tuyên Hoá
23	Đàm Việt Hùng	Nam	20.06.1990	Xã Quảng Hưng, Quảng Trạch, Q. Bình	VPĐK 8	Ks quản lý đất đai	Đo đạc địa chính và các dịch vụ khác; CN VPĐK Ba Đồn
24	Đỗ Trung Hưng	Nam	30.8.1994	T.T. Kiên Giang, Lệ Thủy, QB	VPĐK 9	CĐ Quản lý đất đai	Đo đạc địa chính và các dịch vụ khác, Phòng KTĐC, VPĐK đất đai
25	Trương Thanh Lương	Nam	20.8.1991	Kim Bảng, Minh Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	KTTN2	Cao đẳng Quản lý đất đai	Đo đạc lập bản đồ địa chính; lập bản đồ chuyên ngành, Trung tâm Kỹ thuật TN&MT
26	Lê Đình Nam	Nam	28.10.1991	Xuân Hối, Liên Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	KTTN1	Ks quản lý đất đai	Đo đạc lập bản đồ địa chính; lập bản đồ chuyên ngành, TT Kỹ thuật TN&MT
27	Phan Xuân Sơn	Nam	15.01.1994	Trung Thượng, Quảng Sơn, Ba Đồn, QB	KTTN1	Ks quản lý đất đai	Đo đạc lập bản đồ địa chính; lập bản đồ chuyên ngành..., Trung tâm Kỹ thuật TN&MT
28	Phan Văn Thành	Nam	11.07.1994	Xã Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 9	CĐ Quản lý đất đai	Đo đạc địa chính và các dịch vụ khác, Chi nhánh VPĐK Đồng Hới

29	Phạm Đắc Thăng	Nam	21.09.1991	Đức Ninh Đông, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 4	Ks quản lý đất đai	Đo đạc địa chính và các dịch vụ khác, CN VPĐK Đồng Hới
30	Hồ Kiến Thiết	Nam	14.04.1991	Quảng Trung, TX Ba Đồn, QB	CNTT2	Quản lý đất đai	Đo đạc lập bản đồ địa chính và CGCNQSD đất, Trung tâm CNTTTN&MT
31	Đặng Văn Tinh	Nam	02.02.1996	Đức Ninh, Đồng Hới, QB	VPĐK 4	Ks quản lý đất đai	Đo đạc địa chính và các dịch vụ khác; CN VPĐK Bố Trạch
32	Nguyễn Thế Tiến	Nam	28.03.1987	Diêm Tân, Đức Ninh Đông, Đồng Hới, QB	CNTT1	Ks quản lý đất đai	Đo đạc lập bản đồ địa chính và CGCNQSD đất, Trung tâm CNTTTN&MT
33	Nguyễn Quang Tuấn	Nam	26.10.1994	TK2, TT Đồng Lê, Tuyên Hóa, QB	CNTT1	Ks quản lý đất đai	Đo đạc lập bản đồ địa chính và CGCNQSD đất, Trung tâm CNTT TN&MT
34	Hoàng Anh Tuấn	Nam	13.05.1987	Xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	VPĐK 8	Ks quản lý đất đai	Đo đạc địa chính và các dịch vụ khác, CN VPĐK Quảng Trạch
35	Trần Thanh Tùng	Nam	02.6.1994	Phường Đồng Sơn, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 8	Ks quản lý đất đai	Đo đạc địa chính và các dịch vụ khác, Phòng Kỹ thuật địa chính, VPĐK đất đai
36	Lê Thị Thanh An	Nữ	18.8.1992	Đ. Đại Phong, Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	KTTN4	Kiến trúc sư	Điều tra xây dựng BĐHTSDĐ, khảo sát lập QH, KH... Trung tâm Kỹ thuật TN&MT
37	Phạm Thị Kiều Anh	Nữ	22.5.1994	Tôn Thất Tùng, Bắc Lý, ĐH, QB	KTTN5	CN Tài chính, NH	Định giá đất, Trung tâm Kỹ thuật TN&MT
38	Nguyễn Hoài Anh	Nam	10.6.1992	Lê Quý Đôn, Đồng Mỹ, ĐH, QB	KTTN5	CN kế toán	Định giá đất, Trung tâm Kỹ thuật TN&MT
39	Phan Thị Thuý Giang	Nữ	12.9.1991	Đ. Hoàng Diệu Nam Lý, Đồng Hới, QB	KTTN5	CN Tài chính, NH	Định giá đất, Trung tâm Kỹ thuật TN&MT
40	Trần Thuý Hằng	Nữ	08.11.1992	Lưu Trọng Lưu, Hải Đình, Đồng Hới, QB	KTTN5	CNKinh tế	Định giá đất, Trung tâm Kỹ thuật TN&MT
41	Nguyễn Thị Kim Liên	Nữ	12.01.1983	Đồng Hải, Hải Thành, Đồng Hới, QB	KTTN3	Ks QLĐĐ	Điều tra xây dựng BĐHTSDĐ, khảo sát lập QH, KH.... Trung tâm Kỹ thuật TN&MT
42	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	13.10.1992	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	KTTN5	CN hệ thống TTQL	Định giá đất, Trung tâm Kỹ thuật TN&MT
43	Phạm Nhật Minh	Nam	28.9.1993	Hải Đình, TP. Đồng Hới, Quảng Bình	PTQĐ2	CN Luật	Cập nhật và cung cấp thông tin về giá đất, địa điểm đầu tư các dự án, TT Phát triển quỹ đất

44	Nguyễn Quang Nam	Nam	02.6.1983	Đồng Mỹ, TP. Đồng Hới, Quảng Bình	PTQĐ3	CN kế toán	Lập hồ sơ kiểm đếm tài sản đền bù, hỗ trợ GPMB
45	Trần Nữ Trang	Nữ	16.11.1992	Hoàn Lão, Bồ Trạch, Quảng Bình	PTQĐ5	CN Tài chính-NH	Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất...; lập bản đồ giá đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất
46	Ngô Mỹ Trà	Nữ	10.10.1994	Thôn 8 Trung Trạch, Bồ Trạch, Q. Bình	KTTN5	CN kinh tế.	Định giá đất, Trung tâm Kỹ thuật TN&MT
47	Hoàng Anh Vũ	Nam	15.02.1990	Đức Ninh Đông, Tp. Đồng Hới, Q. Bình	PTQĐ4	CN quản lý đô thị	Xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất được giao Q. lý để đấu giá QSDĐ và đấu thầu dự án, TT Phát triển quỹ đất
48	Phan Ngọc Anh	Nam	10.06.1993	Xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	VPĐK 4	KsQLĐ Đ	Cập nhật chính lý HS địa chính và CSDL đất đai, CN VPĐK Bồ Trạch
49	Phạm Anh Dũng	Nam	19.01.1992	P.Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	VPĐK 2	Ks CNTT	XD và vận hành CSDL đất đai trên hệ thống dùng chung, P. TT lưu trữ, VPĐKĐĐ tỉnh
50	Hoàng Thị Đào	Nữ	12.04.1991	Phường Đức Ninh Đông, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 4	KsQLĐ Đ	Cập nhật chính lý hồ sơ địa chính và CSDL đất đai; Chi nhánh VPĐK Đồng Hới
51	Trần Thị Ngọc Hà	Nữ	25.12.1994	Phường Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 4	KsQLĐ Đ	Cập nhật chính lý hồ sơ địa chính và CSDL đất đai, CN VPĐK Đ.Hới
52	Phan Thanh Hải	Nam	27.01.1991	Xã Trung Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình	VPĐK 5	KsQLĐ Đ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, cá nhân, Chi nhánh VPĐK Bồ Trạch
53	Phạm Ngọc Hải	Nam	21.4.1996	Xã Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	VPĐK 4	KsQLĐ Đ	Cập nhật chính lý hồ sơ địa chính và CSDL đất đai, Chi nhánh VPĐK Quảng Ninh
54	Hoàng Ngọc Hường	Nam	30.07.1991	Xã Bảo Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 5	KsQLĐ Đ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, cá nhân, Chi nhánh VPĐK Đồng Hới
55	Ngô Thị Kim Ngân	Nữ	22.04.1994	Phường Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 1	Ks QLĐĐ	Kiểm tra và in GCN cho hộ GD, CN; quản lý phiêu giấy CN, P.ĐK đất đai
56	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	Nữ	26.10.1996	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 1	Ks QLĐĐ	Kiểm tra và in GCN cho hộ GD, CN; quản lý phiêu giấy CN, P.ĐK đất đai
57	Phạm Phương Nguyên	Nam	29.12.1994	Thị trấn Hoàn Lão, Bồ Trạch, Quảng Bình	VPĐK 5	KsQLĐ Đ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, CN, CN VPĐK Bồ Trạch

58	Dương Chí Nhân	Nam	01.11.1992	Xã Lộc Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 5	KsQLĐ Đ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, cá nhân, Chi nhánh VPĐK Đồng Hới
59	Nguyễn Thị Nhàn	Nữ	01.01.1988	Xã Quảng Tân, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	VPĐK 5	KsQLĐ Đ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, cá nhân, Chi nhánh VPĐK Ba Đồn
60	Nguyễn Tiến Sỹ	Nam	12.03.1990	Xã Liên Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	VPĐK 3	CN Luật	Tham mưu văn bản hướng dẫn, xử lý, giải quyết tranh chấp, KN, TC, Phòng ĐK đất đai, VPĐK tỉnh
61	Phạm Xuân Thích	Nam	12.11.1991	Xã Quảng Hòa, Quảng Trạch, Quảng Bình	VPĐK 5	KsQLĐ Đ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, cá nhân, Chi nhánh VPĐK Ba Đồn
62	Lê Văn Tịnh	Nam	10.07.1987	Xã Gia Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	VPĐK 5	Ks QLĐĐ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, cá nhân, Chi nhánh VPĐK Quảng Ninh
63	Mai Hữu Trang	Nam	18.01.1985	Xã Vĩnh Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	VPĐK 5	KsQLĐ Đ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, CNCN VPĐK Quảng Ninh
64	Phan Anh Tú	Nam	09.10.1993	Đại Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	VPĐK 5	KsQLĐ Đ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, CN, CN VPĐK Bố Trạch
65	Trần Văn Dũng	Nam	10.10.1991	Châu Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	VPĐK 5	KsQLĐ Đ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, CN, CN VPĐK Tuyên Hoá
66	Phạm Thế Đồng	Nam	11.10.1993	Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	VPĐK 5	KsQLĐ Đ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, CN, CN VPĐK Ba Đồn
67	Võ Thị Cẩm Huyền	Nữ	14.01.1991	Xã Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	VPĐK 6	KsQLĐ Đ	Đăng ký giao dịch bảo đảm hộ gia đình, CN, CN VPĐK Quảng Trạch
68	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	02.2.1991	Quảng Phương, Quảng Trạch, Quảng Bình	VPĐK 12	KsQLĐ Đ	Tiếp nhận và trả hồ sơ tại Trung tâm một cửa liên thông cấp huyện cho hộ gia đình, CN, CN VPĐK Quảng Trạch
69	Bùi Thị Thúy Hoài	Nữ	02.6.1991	Xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình	VPĐK 12	KsQLĐ Đ	Tiếp nhận và trả hồ sơ tại Trung tâm một cửa liên thông cấp huyện cho hộ gia đình, cá nhân, Chi nhánh VPĐK Tuyên Hoá
70	Trần Thị Minh Khuê	Nữ	20.08.1992	Phường Đức Ninh Đông, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 10	KsQLĐ Đ	Cung cấp thông tin lưu trữ; TK, KK đất đai; lập BĐHTSĐĐ, Chi nhánh VPĐK Đồng Hới

71	Đình Thanh Khương	Nam	25.02.1990	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	VPĐK 12	KsQLĐ Đ	Tiếp nhận và trả hồ sơ tại Trung tâm một cửa liên thông cấp huyện ..., Chi nhánh VPĐK Minh Hoá
72	Phan Hoàng Phương Lan	Nữ	08.04.1995	Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	VPĐK 13	CN Luật	Tiếp nhận và trả hồ sơ tại Trung tâm một cửa liên thông cấp huyện ..., Chi nhánh VPĐK Ba Đồn
73	Trần Thị Ánh Ngọc	Nữ	08.01.1992	Xã Văn Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	VPĐK 7	CN Luật	Đăng ký giao dịch bảo đảm hộ gia đình, cá nhân, CN VPĐK Ba Đồn
74	Trần Thị Kim Oanh	Nữ	06.01.1984	Xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	VPĐK 12	KsQLĐ Đ	Tiếp nhận và trả hồ sơ tại TT một cửa liên thông cấp huyện cho hộ gia đình, cá nhân, Chi nhánh VPĐK Bồ Trạch
75	Trần Thanh Tâm	Nam	30.9.1996	Phường Hải Đình, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 7	CN Luật	Đăng ký giao dịch bảo đảm hộ gia đình, cá nhân, CN VPĐK Bồ Trạch
76	Phạm Phương Hoàng Thái	Nữ	25.05.1990	Tổ DP 6, Phường Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 10	KsQLĐ Đ	Cung cấp thông tin lưu trữ; TK, KK đất đai; lập BĐHTSDĐ, Chi nhánh VPĐK Minh Hoá
77	Nguyễn Quang Thành	Nam	11.4.1992	Xã Quảng Tân, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	VPĐK 10	KsQLĐ Đ	Cung cấp thông tin lưu trữ; TK, KK đất đai; lập BĐHTSDĐ, Chi nhánh VPĐK Ba Đồn
78	Lê Duy Thịnh	Nam	03.01.1995	Xã Thanh Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình	VPĐK 10	KsQLĐ Đ	Cung cấp thông tin lưu trữ; TK, KK đất đai; lập BĐHTSDĐ, Chi nhánh VPĐK Bồ Trạch
79	Trần Thị Thu	Nữ	27.3.1990	Thanh Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình	VPĐK 12	CN địa chính	Tiếp nhận và trả hồ sơ giữa Chi nhánh và VPĐK cấp tỉnh, Phòng ĐKĐ đai, VPĐKĐĐ
80	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	15.09.1987	Xã Quảng Thuận, Quảng Trạch, Q. Bình	VPĐK 5	Ks QLĐĐ	Đăng ký đất đai và cấp GCN hộ gia đình, cá nhân, CN VPĐK Ba Đồn
81	Trần Thị Phương Thủy	Nữ	22.11.1988	Tổ DP, Hải Thành, Đồng Hới, Quảng Bình	VPĐK 11	CN Luật	Cung cấp thông tin lưu trữ; TK, KK đất đai; lập BĐHTSDĐ, Chi nhánh VPĐK Đồng Hới

Quảng Bình, ngày 18 tháng 9 năm 2019

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra sát hạch xét tuyển viên chức năm 2019 (vòng 2)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Chỗ ở hiện nay	Trình độ CM	Mã số	Điểm xét tuyển
1	Nguyễn Hà Giang	28.01.1996	TDP15, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Ks Thuỷ văn học	QTr5	94,5
2	Nguyễn Trần Thảo Hiền	08.7.1994	TDP5, Hải Thành, Đồng Hới, Quảng Bình	CN Hoá học	QTr2	92,0
3	Nguyễn Hữu Hoàng	04.11.1994	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Ks KTTN nước	PTQĐ1	91,0
4	Lưu Thị Hồng Loan	08.12.1994	TDP4, Hải Thành, Đồng Hới, Quảng Bình	CN KHMT	QTr1	91,0
5	Phan Nhật Minh	28.02.1996	Đường Trương Định, Phú Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	CN sinh học	QTr7	93,5
6	Hồ Thị Hồng Ngọc	14.05.1992	TDP8, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Ks Hải dương, KT&TV	QTr3	90,0
7	Trần Ngọc Như Phương	31.7.1996	Đường Mẹ suốt, Hải Đình, Đồng Hới, Quảng Bình	CN QLTNMT	QTr1	92,5
8	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	26.01.1994	Đồng Đình, Hải Đình, Đồng Hới, Quảng Bình	Ks CN KT hoá học	QTr2	90,5
9	Võ Thị Hoài Thương	20.07.1993	TDP10, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KsQLMT	QTr5	92,0
10	Trần Thị Vinh	06.4.1981	F325, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	CN sinh học	QTr6	86,0
11	Đặng Thuý Vũ	26.05.1989	TDP13, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Ks QLMT	QTr4	89,5
12	Trần Thị Thanh Huyền	02.10.1985	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Sư phạm địa lý	VPĐK15	87,0
13	Nguyễn Hoàng Lan	10.9.1990	Xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	CN Kế toán	VPĐK14	85,5
14	Dương Thị Mai Ly	02.02.1990	Phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	CN TC-NH	VPĐK14	91,0
15	Lê Hoàng Nguyên	06.04.1991	Phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	CN Kế toán	VPĐK14	85,5
16	Nguyễn Chí Thành	14.5.1993	Phường Ba Đồn, TX Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	CN Kế toán	VPĐK14	85,5

17	Hoàng Thị Hoài Thu	08.5.1991	TDP3, Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	CN kế toán	KTTN6	93,5
18	Đình Hữu An	05.11.1991	Đường Tôn Thất Thuyết, Đồng Phú, ĐH, QB	CN tin học	CNTT4	62,0
19	Bùi Thị Thảo Chi	24.11.1992	07, Phạm Hồng Thái, Đồng Phú, tỉnh QB	Ks mạng máy tính	CNTT3	73,0
20	Mai Bá Cường	17.6.1996	Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Ks quản lý đất đai	KTTN1	88,0
21	Nguyễn Văn Hải	26.03.1994	Phường Quảng Phúc, TX Ba Đồn, Quảng Bình	Ks quản lý đất đai	VPĐK4	66,0
22	Lê Xuân Hoan	28.10.1990	Xã Châu Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	Trung cấp quản lý đất đai	VPĐK9	88,0
23	Đàm Việt Hùng	20.06.1990	Xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Ks quản lý đất đai	VPĐK8	90,0
24	Đỗ Trung Hưng	30.8.1994	Thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình	Cao đẳng Quản lý đất đai	VPĐK9	89,0
25	Hồ Xuân Hương	22/4/1991	TK Đồng Văn, TT Đồng Lê, huyện Tuyên Hoá, QB	Ks quản lý đất đai	VPĐK9	16,0
26	Trương Thanh Lương	20.8.1991	Kim Bảng, Minh Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	Cao đẳng Quản lý đất đai	KTTN2	76,0
27	Lê Đình Nam	28.10.1991	Xuân Hới, Liên Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Ks quản lý đất đai	KTTN1	57,0
28	Phan Xuân Sơn	15.01.1994	Trung Thượng, Quảng Sơn, Ba Đồn, Quảng Bình	Ks quản lý đất đai	KTTN1	89,0
29	Phan Văn Thành	11.07.1994	Xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Cao đẳng Quản lý đất đai	VPĐK9	61,0
30	Phạm Đắc Thắng	21.09.1991	Phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Ks quản lý đất đai	VPĐK4	88,0
31	Hồ Kiến Thiết	14.04.1991	Quảng Trung, TX Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Cao đẳng Quản lý đất đai	CNTT2	89,0
32	Đặng Văn Tình	02.02.1996	Xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Ks quản lý đất đai	VPĐK4	63,5
33	Nguyễn Thế Tiến	28.03.1987	Diêm Tân, Đức Ninh Đông, TP Đồng Hới, Quảng Bình	Ks quản lý đất đai	CNTT1	84,0
34	Nguyễn Quang Tuấn	26.10.1994	TK2, TT Đồng Lê, Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	Ks quản lý đất đai	CNTT1	94,0
35	Hoàng Anh Tuấn	13.05.1987	Xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Ks quản lý đất đai	VPĐK8	66,0

36	Trần Thanh Tùng	02.6.1994	Phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Ks quản lý đất đai	VPĐK8	90,0
37	Lê Thị Thanh An	18.8.1992	Đường Đại Phong, Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Kiến trúc sư	KTTN4	85,0
38	Phạm Thị Kiều Anh	22.5.1994	Đường Tôn Thất Tùng, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	CN TCNH	KTTN5	55,0
39	Nguyễn Hoài Anh	10.6.1992	Đường Lê Quý Đôn, Đồng Mỹ, Đồng Hới, Quảng Bình	CN kế toán	KTTN5	75,0
40	Phan Thị Thuỳ Giang	12.9.1991	Đường Hoàng Diệu Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	CN TCNH	KTTN5	80,0
41	Trần Thuý Hằng	08.11.1992	Đường Lưu Trọng Lư, Hải Đình, Đồng Hới, Quảng Bình	CN Kinh tế	KTTN5	90,0
42	Nguyễn Thị Kim Liên	12.01.1983	Đường Đồng Hải, Hải Thành, Đồng Hới, Quảng Bình	Ks QLĐĐ	KTTN3	75,0
43	Nguyễn Thị Mỹ Linh	13.10.1992	Vĩnh Ninh, Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	CN hệ thống TTQL	KTTN5	79,0
44	Phạm Nhật Minh	28.9.1993	Hải Đình, TP. Đồng Hới, Quảng Bình	CN Luật	PTQĐ2	75,0
45	Nguyễn Quang Nam	02.6.1983	Đồng Mỹ, TP. Đồng Hới, Quảng Bình	CN kế toán	PTQĐ3	73,5
46	Trần Nữ Trang	16.11.1992	Hoàn Lão, Bó Trạch, Quảng Bình	CN TC-NH	PTQĐ5	75,0
47	Ngô Mỹ Trà	10.10.1994	Thôn 8 Trung Trạch, Bó Trạch, Quảng Bình	CN kinh tế	KTTN5	80,0
48	Hoàng Anh Vũ	15.02.1990	Đức Ninh Đông, TP. Đồng Hới, Quảng Bình	CN quản lý đô thị	PTQĐ4	73,5
49	Phan Ngọc Anh	10.06.1993	Xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Ks QLĐĐ	VPĐK4	97,5
50	Phạm Anh Dũng	19.01.1992	Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Ks CNTT	VPĐK2	97,5
51	Hoàng Thị Đào	12.04.1991	Phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới, QB	Ks QLĐĐ	VPĐK4	97,5
52	Trần Thị Ngọc Hà	25.12.1994	Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Ks QLĐĐ	VPĐK4	97,5
53	Phan Thanh Hải	27.01.1991	Xã Trung Trạch, huyện Bó Trạch, tỉnh Quảng Bình	Ks QLĐĐ	VPĐK5	96,0
54	Phạm Ngọc Hải	21.4.1996	Xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Ks QLĐĐ	VPĐK4	92,5
55	Hoàng Ngọc Hương	30.07.1991	Xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Ks QLĐĐ	VPĐK5	92,5

56	Ngô Thị Kim Ngân	22.04.1994	Phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Ks QLĐĐ	VPĐK1	96,0
57	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	26.10.1996	Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình	Ks QLĐĐ	VPĐK1	96,0
58	Phạm Phương Nguyên	29.12.1994	Thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK5	76,0
59	Dương Chí Nhân	01.11.1992	Xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK5	85,0
60	Nguyễn Thị Nhàn	01.01.1988	Xã Quảng Tân, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK5	81,0
61	Nguyễn Tiến Sỹ	12.03.1990	Xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	CN Luật	VPĐK3	91,0
62	Phạm Xuân Thích	12.11.1991	Xã Quảng Hòa, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK5	94,0
63	Lê Văn Tịnh	10.07.1987	Xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Ks QLĐĐ	VPĐK5	97,5
64	Mai Hữu Trang	18.01.1985	Xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK5	96,0
65	Phan Anh Tú	09.10.1993	Xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK5	94,0
66	Trần Văn Dũng	10.10.1991	Xã Châu Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK5	90,0
67	Phạm Thế Đồng	11.10.1993	Phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK5	89,5
68	Võ Thị Cẩm Huyền	14.01.1991	Xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK6	89,5
69	Nguyễn Thị Hoài	02.2.1991	Xã Quảng Phương, Quảng Trạch, Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK12	90,0
70	Bùi Thị Thúy Hoài	02.6.1991	Xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK12	89,0
71	Trần Thị Minh Khuê	20.08.1992	Phường Đức Ninh Đông, Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK10	85,5
72	Đinh Thanh Khương	25.02.1990	Xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK12	84,5
73	Phan Hoàng Phương Lan	08.04.1995	Phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	CN Luật	VPĐK13	89,0
74	Trần Thị Ánh Ngọc	08.01.1992	Xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	CNLuật	VPĐK7	89,5

75	Trần Thị Kim Oanh	06.01.1984	Xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK12	90,0
76	Trần Thanh Tâm	30.9.1996	Phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	CN Luật	VPĐK7	86,0
77	Phạm Phương Hoàng Thái	25.05.1990	Tổ dân phố 6, phường Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK10	89,0
78	Nguyễn Quang Thành	11.4.1992	Xã Quảng Tân, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK10	89,5
79	Lê Duy Thịnh	03.01.1995	Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK10	86,0
80	Trần Thị Thu	27.3.1990	Thanh Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	CN địa chính	VPĐK12	90,0
81	Nguyễn Thị Thủy	15.09.1987	Xã Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	KsQLĐĐ	VPĐK5	89,0
82	Trần Thị Phương Thủy	22.11.1988	Tổ dân phố 6, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	CN Luật	VPĐK11	89,5

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Phạm Văn Lương



